

CÁCH BIỂU ĐẠT LỜI BÌNH TRONG CÁC CHƯƠNG TRÌNH TRUYỀN HÌNH TIẾNG TÀY - NÙNG Ở VIỆT NAM*

Nguyễn Thị Nhung

Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên
Email: nhungspntn@gmail.com

Ngày nhận bài: 7/10/2019
Ngày phản biện: 14/10/2019
Ngày tác giả sửa: 22/10/2019
Ngày duyệt đăng: 9/11/2019
Ngày phát hành: 20/11/2019

DOI:

Cách biểu đạt lời bình là một phương diện quan trọng khiến cho lời bình thực hiện được chức năng giúp người xem thấy được các thông điệp từ hình ảnh, hiểu được chủ ý của tác giả, chủ đề của các chương trình truyền hình. Bài viết đã trình bày kết quả khảo sát hình thức lời bình của các chương trình truyền hình tiếng Tày - Nùng của Đài Phát thanh và Truyền hình các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Kạn ở các phương diện ngữ âm, từ ngữ, câu văn qua sự đánh giá của người tiếp nhận và người sản xuất chương trình. Qua đó đưa ra các đề xuất nâng cao chất lượng của lời bình trong các chương trình truyền hình tiếng Tày - Nùng ở Việt Nam.

Từ khóa: Truyền hình; Tiếng Tày - Nùng; Cách biểu đạt lời bình.

1. Đặt vấn đề

Truyền hình là loại hình truyền thông quan trọng, phổ biến, có lượng khán giả vượt trội so với các loại hình truyền thông khác ở Việt Nam hiện nay. Tày và Nùng là hai dân tộc có nhiều điểm gần gũi nhau về ngôn ngữ, văn hóa nghệ thuật, văn hóa tâm linh. Ở những nơi có cả người Tày và Nùng sinh sống, ngôn ngữ của người thuộc hai dân tộc này có thể pha trộn lẫn nhau. Người Nùng thường nghe được tiếng Tày và cũng có thể ngược lại. Nên từ khi có bộ chữ Tày - Nùng dùng chung cho hai dân tộc dựa trên cơ sở chữ La - tinh, ở Việt Nam đã hình thành khái niệm “tiếng Tày - Nùng”. Truyền hình bằng tiếng Tày - Nùng là các chương trình truyền hình có thể lúc thì nghiêng về tiếng Tày, khi thì nghiêng về tiếng Nùng (tùy theo nội dung chương trình nói về dân tộc nào), hoặc pha trộn ngôn ngữ hai dân tộc, sao cho cả hai dân tộc Tày và Nùng đều tiếp nhận được. Bằng cách này, chương trình có thể phục vụ được đông đảo người nghe bởi người Tày có số dân lớn nhất, người Nùng có số dân lớn thứ 6 trong số các dân tộc thiểu số (DTTS) ở Việt Nam. Hơn nữa, tiếng Tày có thể coi là ngôn ngữ phổ thông vùng của một số khu vực thuộc miền núi phía Bắc Việt Nam, nhiều dân tộc khác cũng có thể sử dụng được ngôn ngữ này. Do vậy, truyền hình bằng tiếng Tày - Nùng (THTT-N) là những chương trình có tầm quan trọng đặc biệt, giúp bảo tồn ngôn ngữ, văn hóa Tày, Nùng và góp phần nâng cao dân

trí, hướng tới sự phát triển bền vững không chỉ của đồng bào Tày, Nùng mà còn của đồng bào một số dân tộc khác sống xen lẫn cùng hai dân tộc này ở một khu vực rộng lớn. Lời bình là một phần không thể thiếu trong mỗi chương trình THTT-N. Lời bình trong các chương trình THTT-N có thể khiến hình ảnh có thêm sức sống, giúp người xem thấy được cái mà họ chưa thấy rõ ở hình ảnh, hiểu được chủ ý của tác giả, tổng hợp, khái quát được ý nghĩa của sự việc, sự kiện được phản ánh trong tác phẩm truyền hình. Cách biểu đạt của lời bình là một phương diện quan trọng trực tiếp làm nên những giá trị đó.

Bài viết tập trung mô tả, đánh giá thực trạng của hình thức lời bình trong các chương trình truyền hình Tiếng Tày - Nùng ở Việt Nam hiện nay, phân tích nguyên nhân của các hạn chế; trên cơ sở ấy, đề xuất những giải pháp khắc phục giúp nâng cao chất lượng lời bình của các chương trình Truyền hình Tiếng Tày - Nùng nói riêng, các chương trình Truyền hình tiếng dân tộc nói chung.

2. Tổng quan nghiên cứu

Lời bình trong các chương trình truyền hình bao gồm các phát ngôn. Cách biểu đạt của nó thể hiện ở các bình diện, đồng thời cũng là những đơn vị cấu thành các phát ngôn ấy, đó là ngữ âm, từ ngữ và ngữ pháp.

Đã có một số công trình ít nhiều có đề cập đến các vấn đề liên quan tới đối tượng và phạm vi nghiên cứu này trong truyền thông ở Việt Nam.

* Bài báo là kết quả nghiên cứu của đề tài khoa học cấp Nhà nước: “Hoạt động truyền thông bằng ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở Việt Nam”. Mã số: ĐTDLXH-02/18.

Nhóm nghiên cứu đưa ra những yêu cầu mang tính khái quát có định hướng tới việc sử dụng ngôn ngữ trên báo chí ở Việt Nam là các công trình như: *Ngôn ngữ báo chí* (Hào, 2010), *Những kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong truyền thông đại chúng* (Anh, 2008), “Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt trên các phương tiện thông tin đại chúng” (Hội Ngôn ngữ học Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, & Hội Nhà báo Việt Nam, 2016). Tuy chưa bàn trực tiếp về hình thức của lời bình trong các chương trình truyền hình bằng tiếng Tày - Nùng nhưng các tài liệu này đã có những định hướng cần thiết cho việc xem xét, đánh giá các phương diện hình thức của lời bình trên truyền hình. Một số luận văn thạc sĩ báo chí học và truyền thông đại chúng đã có đề cập những nội dung sát hơn với đối tượng của bài viết này. Chẳng hạn, hai luận văn “Nâng cao chất lượng chương trình truyền hình tiếng dân tộc của các đài tỉnh miền núi Đông Bắc (Khảo sát các tỉnh Tuyên Quang, Hà Giang, Bắc Cạn 1/2009 - 6/2009)” (A. T. T. Thu, 2010) và “Đổi mới tổ chức sản xuất chương trình truyền hình cho đồng bào dân tộc thiểu số trên kênh VTV5 Đài truyền hình Việt Nam” (L. T. H. Thu, 2015) đều có một số nhận xét, đánh giá chung về độ dài, cách diễn đạt, việc sử dụng số liệu của lời bình trong chương trình truyền hình tiếng dân tộc. Có đối tượng nghiên cứu sát với bài viết này hơn cả là Khóa luận tốt nghiệp đại học “Lời bình trong tác phẩm truyền hình cho đồng bào dân tộc (Khảo sát chương trình tạp chí VTV5 từ tháng 2/2012 đến tháng 3/2013)” (Hạnh, 2014) và luận văn thạc sĩ ngôn ngữ “Tiếng Tày Nùng trong truyền thông trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên” (Giang, 2018). Ngoài ra, còn phải kể đến đề tài khoa học của sinh viên Lý Thị Hà (2018), “Một số đặc điểm ngôn ngữ trong chương trình Tiếng Tày - Nùng của Đài phát thanh-truyền hình tỉnh Cao Bằng”. Đây mới là những tìm hiểu bước đầu về tiếng Tày Nùng trong phát thanh, truyền hình ở một tỉnh, nhưng cũng có những phát

hiện xác đáng.

Nhìn chung, hình thức lời bình của các chương trình truyền hình tiếng Tày - Nùng ở Việt Nam hiện nay là một đối tượng chưa được công trình nào đề cập trực tiếp và nghiên cứu một cách đầy đủ, toàn diện.

3. Phương pháp nghiên cứu

Để có được các kết quả nghiên cứu, bài viết đã sử dụng 3 phương pháp chính.

Phương pháp ngôn ngữ học điền dã cho phép khảo sát thực trạng, nghiên cứu ngữ liệu cụ thể về các chương trình truyền hình Tiếng Tày - Nùng của Đài PT-TH các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Kạn.

Phương pháp ngôn ngữ học xã hội với việc phỏng vấn 11 người làm chương trình truyền hình Tiếng Tày - Nùng thuộc các Đài PT-TH Lạng Sơn, Cao Bằng; điều tra bằng bảng hỏi và phỏng vấn 105 người Tày, Nùng ở Lạng Sơn, Cao Bằng về việc tiếp nhận THPT-N giúp tìm hiểu thực trạng và thái độ, sự đánh giá của người dân về hình thức của lời bình.

Phương pháp miêu tả ngôn ngữ với các thủ pháp thống kê, phân loại các dữ liệu, phân tích các hiện tượng và khái quát, tìm ra quy luật của các hiện tượng cho phép thấy được bản chất của các vấn đề nghiên cứu.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Cách biểu đạt lời bình qua sự đánh giá của người tiếp nhận

Để nắm được cách biểu đạt của lời bình, chúng tôi đã khảo sát việc sử dụng ngữ âm, từ ngữ, ngữ pháp trong THPT-N qua sự đánh giá của người tiếp nhận.

Ngữ âm không được nhiều người xem đưa ra ý kiến, nên dù không bị nhiều đánh giá tiêu cực, nhưng ở mỗi phương diện, tỉ lệ người đánh giá tích cực cũng chỉ dưới 50%, cụ thể như sau: (Bảng 1)

Bảng 1: Nhận xét của người tiếp nhận về giọng của phát thanh viên trong các chương trình truyền hình tiếng Tày - Nùng

Thực trạng	Tốc độ			Giọng chuẩn		Hay		Có pha giọng	
	Nhanh	Chậm	Vừa	Đúng	Không	Đúng	Không	Đúng	Không
Các nhóm									
Đài VTV5	18	11	33	49	1	30	3	34	12
Đài tỉnh	17	9	35	48	8	51	3	23	18
Tổng 2 nhóm	35	20	68	97	9	81	6	57	30
Tỉ lệ	17%	9,5%	32%	46%	4,3%	39%	2,9%	27%	14%

Nguồn: *Khảo sát các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, của đề tài năm 2018 (Điều tra bằng bảng hỏi và phỏng vấn 105 người Tày, Nùng ở Lạng Sơn và Cao Bằng)*

Như vậy, ở các đài tỉnh, giọng phát thanh viên (PTV) gần gũi với người dân hơn nên nhìn chung được đánh giá tốt hơn. Và trong số các tiêu chí đánh giá thì giọng chuẩn là tiêu chí được đánh giá cao nhất, thấp hơn là hay, thấp hơn nữa là tốc độ vừa. Và đặc biệt, tiếng nói của PTV bị số người đánh giá rằng có pha giọng cao gấp đôi số đánh giá rằng không pha giọng. Đa số cho rằng giọng của PTV người Tày hay người Nùng ở đây đều không còn thuần là âm Tày hay Nùng nữa, mà đã bị pha giữa hai ngôn ngữ, hoặc đã pha giọng Kinh.

Theo tác giả Lý Thị Hà thì có một nhược điểm về ngữ âm mà các PTV cũng cần lưu ý là sự ngừng ngắt không đúng chỗ. Chẳng hạn, trong *Bản tin quốc tế* của *Chương trình thời sự tiếng Tày – Nùng* ngày 02/02/2018 của Đài PT-TH Cao Bằng, PTV đã ngừng ngắt 4 lần khi đọc câu: “Tọ mìn... mì lai mòn thu hút chẵn đặc biệt tới vạ pi noọng cần dân công tông cạ dư luận quốc tế, vị thông điệp nầy đây ngòi... lè cương lĩnh tranh cử của lãnh đạo nước Nga chang pan bầu cử tổng thống... khâu vắn slip... pét bươn slam” (Nhưng nó... có nhiều sự thu hút thật sự đặc biệt với người dân cũng như dư luận quốc tế, vì thông điệp này được xem... là cương lĩnh tranh cử của lãnh đạo nước Nga trong lần bầu cử tổng thống... vào ngày 18... tháng 3). Sự ngắt nghỉ nhiều, không hợp lý trong một câu không những làm gián đoạn quá trình truyền tin, khiến cho bản tin rời rạc, kém hấp dẫn mà còn tạo ra cảm giác khó chịu đối với người nghe.

Kết quả đánh giá về từ ngữ dùng trong các chương trình THPT-N có phần khả quan hơn. Có thể thấy điều đó qua bảng tổng hợp sau:

Bảng 2: Nhận xét của người tiếp nhận về từ ngữ trong các chương trình THPT-N

Thực trạng	Dễ hiểu		Chính xác		Nhiều từ ngữ vay mượn	
	Đúng	Không đúng	Đúng	Không đúng	Đúng	Không đúng
Các đài						
VTV5	56	7	67	4	51	7
Đài tỉnh	60	2	42	1	43	5
Tổng 2 nhóm	116	9	109	5	94	12
Tỉ lệ	55,2%	4,3%	52,0%	2,4%	44,8%	5,7%

Nguồn: *Khảo sát các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, của đề tài năm 2018 (Điều tra bằng bảng hỏi và phỏng vấn 105 người Tày, Nùng ở Lạng Sơn và Cao Bằng)*

Ở đây, tính dễ hiểu được đánh giá cao nhất; tiếp đó là tính chính xác. Hầu hết người có ý kiến đều cho rằng từ ngữ vay mượn còn nhiều. Xét theo cấp truyền thông thì đài địa phương có thể mạnh hơn về tính dễ hiểu và ít từ ngữ vay mượn, nhưng đài trung ương lại có thể mạnh về tính chính xác trong việc sử dụng từ ngữ.

Nhưng phương diện được đồng bào Tày, Nùng đánh giá cao nhất là việc dùng câu.

Bảng 3: Nhận xét của người tiếp nhận về câu văn trong các chương trình THPT-N

Thực trạng	Đúng cách diễn đạt		Ngắn gọn		Dễ hiểu		Ý kiến khác
	Đúng	Không đúng	Đúng	Không đúng	Đúng	Không đúng	
Các đài							
VTV5	65	5	62	6	47	2	3
Đài tỉnh	75	5	74	1	57	2	8
Tổng 2 nhóm	140/220	10/220	136/220	7/220	104/220	4/220	11/220
Tỉ lệ	66,7%	4,8%	64,8%	3,3%	49,5%	1,9%	5,2%

Nguồn: *Khảo sát các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, của đề tài năm 2018 (Điều tra bằng bảng hỏi và phỏng vấn 105 người Tày, Nùng ở Lạng Sơn và Cao Bằng)*

Câu văn trong các chương trình được đánh giá tương đối tốt về tiêu chí đúng cách diễn đạt của người Tày, Nùng và ngắn gọn. Tuy nhiên, nghĩa của các câu không được đánh giá cao lắm về tính dễ hiểu. Xét theo cấp thì ở đây, cấp tỉnh được đánh giá cao hơn ở tất cả các tiêu chí.

Có thể thấy rõ nhược điểm về việc lạm dụng từ vay mượn và tình trạng tạo câu khó hiểu qua phân tích một số chương trình cụ thể như chương trình THPT-N của Đài PT-TH tỉnh Cao Bằng phát ngày 27/1/2019. Trong phóng sự: "Mỗi tổ chức, mỗi cá nhân gắn với một địa chỉ nhân đạo"; các từ cá nhân, hộ, nhà (hào tâm), phát động, thu hút, tham gia, hoạt động, hiệu quả, điều trị, thời gian,... đã mượn nguyên tiếng Việt, không được dịch sang tiếng Tày - Nùng. Trong khi, hai từ *cá nhân, nhà (hào tâm)* cần hiểu là "người" và dịch là *cản*, từ *hộ* trong *bại hộ khổ* phải được hiểu là "gia đình", dịch là *bại slưon* hoặc *cha slưon*. Từ *phát động* cũng có thể dịch là: *Pjúc tún* hay *roọng riệp* nghĩa là "kêu gọi". Từ *thu hút* nên đổi lại thành *có* và có thể dịch thành *mì*. Hai từ *tham gia, hoạt động* cũng nên đổi thành từ *làm* để dịch là *hát*. Từ *hiệu quả* nên hiểu là "tốt", để dịch là *đây*. Từ *điều trị* cần dịch là *chỏi pỉnh*, từ *thời gian* phải dịch là: *Slì tói nả*, hay *tói nả*. Như vậy, chỉ trong một phóng sự, đã có rất nhiều từ có hoặc có từ tương đương trong tiếng Tày - Nùng mà không được dịch.

Hay một số ví dụ khác về tình trạng trên trong chương trình Tạp chí dân tộc và phát triển tiếng Tày - Nùng của Đài PT-TH tỉnh Bắc Kạn phát ngày 11/1/2019. Trong tin về Hội nghị trực tuyến triển khai sách giáo khoa mới, có từ toàn quốc có thể dịch là *tăng nước*; từ giáo dục có thể dịch là *slon slư*. Trong tin tiếp theo về việc Đổi mới tư pháp của tỉnh, từ cải cách (tư pháp) có thể dịch thành *tối mấu*, nghĩa là *đổi từ cải cách thành từ đổi mới* để dịch. Hay trong phóng sự về Hợp tác xã tinh dầu bản Nà Cà, từ thành lập có thể dịch là *tăng có*; từ tấn trong làm được 1 tấn sản phẩm, phải được dịch là *xiên*.

Bên cạnh đó, việc dịch câu không dựa vào văn cảnh, chỉ dịch từng chữ rời rạc có thể dẫn đến hiện tượng người nghe tưởng hiểu được chữ mà không hiểu đúng câu gốc. Chẳng hạn, cũng trong chương trình THPT-N của Đài PT-TH Cao Bằng phát ngày 27/1/2019, *vươn lên* đã được dịch là *vươn khừn*, là dịch chưa dựa vào văn cảnh, thường bị gọi là dịch chữ chứ chưa dịch nghĩa. Có thể hiểu *Vươn lên trong cuộc sống* là "yên tâm làm ăn, thoát nghèo" để dịch là: *Ốn slim hết kin, óc khỏi khô khát*. *Tổ hợp tổng số tiền hơn 40 triệu đồng* dịch là *tổng số chèn hơn slí slíp triệu mun* cũng không dịch nghĩa mà chỉ dịch chữ, có thể dịch lại thành: *cop đầy slí slíp triệu mun chèn*.

Theo biên dịch viên Đinh Thị Phương (Đài PT-TH Lạng Sơn) thì ở Đài PT-TH tỉnh Lạng Sơn cũng có một số lỗi về dịch thuật. Chẳng hạn, cụm từ *giải phóng mặt bằng* đã được một biên dịch viên dịch là *giải phóng nả phiêng*. Từ *giải phóng* để nguyên, còn từ *mặt* dịch là "nả", từ *bằng* dịch nghĩa là "phiêng". Dịch như vậy chỉ là dịch chữ gây nên câu chuyện

nực cười, trong khi đó cụm từ này ai cũng hiểu là lấy đất để thực hiện các công việc cần thiết như làm đường, làm nhà, là những công việc mà đồng bào Tày, Nùng vẫn làm. Và ngôn ngữ Tày- Nùng có từ ngữ biểu thị khái niệm đó. Ta có thể dịch là *au tóm sle hát tàng/ au tóm sle hát slưon*, hay rõ hơn là *tên pố au tóm*, tùy theo ngữ cảnh của bài viết cụ thể là giải phóng mặt bằng không hay có đền bù. Hay một ví dụ khác: cụm từ Đường dây nóng, cần dịch là *Ti sle mì việc cần điều đáo mà thì đã biên dịch viên dịch là: Tàng slai nóng*. Trong tiếng Tày *tàng* nghĩa là "đường", *slai* nghĩa là "dây", còn từ *nóng* nhẽ ra dịch là *pôm* hoặc *đướt*. Trong khi đường dây nóng nghĩa là một số điện thoại khẩn cấp được hình thành để xem xét, giải quyết những công việc khẩn cấp, người dân có việc liên quan thì gọi đến trình báo hoặc cho biết về thông tin.

Như vậy, sự hạn chế về vốn từ, trình độ dịch thuật của biên dịch viên, PTV đã khiến hiện tượng vay mượn trong vốn từ ngữ Tày, Nùng đã nhiều lại thêm gia tăng và tạo nên những câu văn tối nghĩa, những diễn ngôn khó hiểu.

4.2. Cách biểu đạt lời bình qua sự đánh giá của người sản xuất chương trình

Những người làm chương trình THPT-N của các đài tỉnh đã tự đánh giá về cách biểu đạt của lời bình trong các chương trình (Bảng 4)

Rõ ràng, họ chưa đánh giá cao hình thức của lời bình trong các chương trình mà mình sản xuất. Số người đánh giá ở mức trung bình cao hơn số người đánh giá tốt. Trong đó, tiêu chí được đánh giá có phần cao hơn cả cũng là tính đúng ngữ pháp của câu, tính phù hợp cách nói năng của đồng bào ở mặt phong cách ngôn ngữ. Đây là sự đánh giá thống nhất với sự đánh giá của người tiếp nhận. Những tiêu chí còn bị đánh giá thấp hơn cả là việc vay mượn từ ngữ, độ chính xác của ngữ âm, tính không đơn điệu của kết cấu diễn ngôn. Xếp tiếp sau, là sự hạn chế về tính truyền cảm của ngữ âm; tính sinh động, giàu hình ảnh của từ ngữ. Như vậy, từ ngữ trên THPT-N còn vay mượn nhiều, âm đọc của PTV nhiều khi chưa thuật chuẩn. Các diễn ngôn còn đơn điệu về kết cấu. Do vậy, những yêu cầu ở trình độ cao hơn như tính truyền cảm, tính sinh động, giàu hình ảnh đều ít đạt được hơn.

Là người trực tiếp làm truyền hình, hiểu biết về nghiệp vụ báo chí, những người sản xuất chương trình cho rằng mình cơ bản mới đáp ứng yêu cầu về cái đúng; chưa đạt tới cái hay, cái nghệ thuật. Đây là sự đánh giá khách quan, thể hiện sự nghiêm túc, trách nhiệm của người làm THPT-N. Tuy nhiên, nó cũng lý giải vì sao sức hấp dẫn của các chương trình truyền hình này chưa cao. Kết quả khảo sát sơ bộ của chúng tôi cho thấy khoảng 50% người

Tày, Nùng chưa từng xem truyền hình tiếng dân tộc mình. Trong số người được cho là có xem truyền hình tiếng Tày - Nùng, lại có 26,7% chưa bao giờ xem chương trình Tiếng Tày - Nùng trên kênh VTV5; và 12,4% chưa bao giờ xem chương trình Tiếng Tày - Nùng trên đài PT-TH của tỉnh mình.

Vì vậy, phân tích nguyên nhân, tìm ra giải pháp để nâng cao chất lượng hình thức lời bình là một việc làm hết sức cần thiết.

Bảng 4: Bảng tự đánh giá của người làm chương trình truyền hình tiếng Tày - Nùng về cách sử dụng ngôn ngữ

Các phương diện		Tốt	Trung bình	Chưa tốt
Ngữ âm	a. Độ chính xác	4	7	0
	b. Tính truyền cảm	5	6	0
Từ vựng	a. Từ ngữ vay mượn	0	10	1
	b. Tính sinh động, giàu hình ảnh	4	6	1
Câu - ngữ pháp	a. Đúng ngữ pháp	8	2	1
	b. Câu ngắn gọn, súc tích	5	5	1
Diễn ngôn	a. Chặt chẽ	4	6	1
	b. Kết cấu không đơn điệu	3	7	1
Phong cách	a. Phù hợp với cách nói năng của đồng bào	7	3	1
	b. Phù hợp với nội dung nói	6	4	1
		46/110	56/110	8/110
		41,8%	50,9%	7,3%

Nguồn: *Khảo sát các đài PT-TH tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, của đề tài năm 2018 (Phỏng vấn 11 người làm chương trình Tày - Nùng thuộc các đài PT-TH Lạng Sơn và Cao Bằng)*

4.3. Nguyên nhân của những hạn chế trong cách biểu đạt của lời bình trong các chương trình truyền hình tiếng Tày - Nùng

Lý do khách quan và lý do chủ quan dẫn đến những hạn chế trong hình thức lời bình ở các chương trình THPT-N.

Điều kiện sống của hai dân tộc, đặc biệt của người Tày là một lí do khách quan dẫn đến sự vay mượn từ ngữ. Bởi theo nhà văn Y Phương “Người Tày là nhóm cư dân thuộc ngữ hệ Tày Thái. Do hoàn cảnh địa lý, họ có điều kiện tiếp xúc và thu

nhập các nền văn hóa, văn minh, từ các dân tộc khác sớm hơn. Phải chăng vì thế mà sắc thái văn hóa Tày có phần nào bị pha loãng, mai một dần.” Hai ngôn ngữ mà tiếng Tày bị ảnh hưởng nhiều nhất là tiếng Việt và tiếng Hán. Và cũng theo nhà văn Y Phương, “Kể từ khi hòa bình lập lại trên miền Bắc, nhất là sau ngày thống nhất đất nước, hiện tượng văn hóa Tày bị pha tạp, mai một ngày càng nhiều. Không gian văn hóa Tày bị các dòng văn hóa khác xâm thực, xói mòn làm mất dần bản sắc. Cái mất rõ nhất là tiếng nói và chữ viết”. Như vậy tiếng Tày vốn đã bị pha trộn và nó vẫn tiếp tục bị pha trộn.

Bên cạnh đó, còn một nguyên nhân có tính khách quan nữa là nước ta còn nghèo, các đài lại đang chuyển sang cơ chế tự chủ về tài chính. Điều kiện kinh phí cho việc sản xuất các chương trình, cho việc bồi dưỡng và phát triển nhân lực của các phòng trong mỗi đài nhìn chung, đều khó khăn. Tình hình đó của các phòng Tiếng dân tộc càng gay gắt hơn vì các phòng này hầu như đều không có điều kiện cải thiện thu nhập bằng việc làm quảng cáo, mà lại cần những đầu tư đáng kể cho việc đi lấy tin bài ở địa bàn vùng cao. Đây là nguyên nhân dẫn đến nhiều bất cập trong đó có tình trạng biên chế người làm bị thu hẹp, công việc căng thẳng, người làm ít được bồi dưỡng chuyên môn. Các đài thiếu phóng viên người Tày, Nùng để có thể lựa chọn, nhìn nhận, đánh giá, giải quyết các vấn đề phù hợp với đặc điểm tâm lý, truyền thống của đồng bào. Thậm chí có đài, vì ít người làm, PTV không có điều kiện thời gian để dịch trước, phải đọc thẳng từ tiếng Việt sang tiếng Tày - Nùng trong lúc lên sóng. Chế độ đãi ngộ thấp cũng dẫn tới tình trạng năng lực, tâm huyết của người làm không được phát huy tốt, kéo theo những hạn chế về chất lượng, hiệu quả chương trình.

Bên cạnh nguyên nhân khách quan về hoàn cảnh cư trú, điều kiện kinh phí, còn cần kể đến nguyên nhân chủ quan về sự quan tâm của các cấp lãnh đạo đối với lĩnh vực văn hóa nói chung, văn hóa DTTS nói riêng; cùng tâm lý của người dân và năng lực của người làm truyền hình.

Công tác văn hóa hiện nay tuy đã được chú trọng nhưng hoạt động báo chí dành cho mảng văn hóa không nhiều, nội dung trên các diễn đàn báo chí cũng chỉ nghiêng về mảng kinh tế - xã hội, nếu có thì chủ yếu đề cập đến những phương diện có thể tạo ra lợi nhuận như du lịch, thể thao. Vì vậy, những nét tâm lý bất lợi cho việc bảo tồn văn hóa ở đồng bào Tày, Nùng đã không được kịp thời điều chỉnh. Đó là tâm lý tự ti dân tộc, tâm lý thực dụng. Nhiều người muốn đầu đi nguồn gốc DTTS của mình vì cho rằng dân tộc mình nhỏ bé, hèn kém. Nhiều bậc cha mẹ muốn con học ngay tiếng Việt để tiện lợi cho học tập và công tác về sau. Vậy nên, họ

không mặn mà với việc học tập, trau dồi tiếng mẹ đẻ và truyền dạy tiếng mẹ đẻ cho thế hệ sau. Hầu hết người Tày, Nùng ở các thành phố đều đã không biết tiếng mẹ đẻ của mình. Điều này khiến bản thân tiếng Tày - Nùng khó phát triển về vốn từ, dẫn đến việc vay mượn là khó tránh khỏi. Thêm nữa, nó cũng khiến việc tìm người vừa có năng khiếu phát thanh, có trình độ báo chí vừa nắm được tiếng Tày, Nùng là không dễ dàng. Ngay ở mảnh đất có đồng bào Tày, Nùng sinh sống như tỉnh Cao Bằng, hiện nay, chỉ tìm được một hai người Tày làm PTV truyền hình. Tình hình ở các đài khác cũng tương tự như vậy. Các BDV, PTV hiện có chủ yếu cũng là những người còn trẻ, vốn ngôn ngữ mẹ đẻ còn hạn chế, hầu hết không biết chữ Tày - Nùng, lại từng thoát li bản làng để đi học tập lâu dài; trong khi, để làm tốt chương trình, họ còn phải thạo cả hai thứ tiếng Tày và Nùng. Người kiểm duyệt chương trình không biết tiếng Tày - Nùng thường đòi hỏi tin bài phải được viết bằng tiếng Việt. Điều đó hạn chế việc phóng viên người Tày, Nùng có thể viết tin, bài bằng ngôn ngữ của dân tộc mình, để sự diễn đạt đúng chuẩn ngôn ngữ Tày, Nùng hơn, mềm mại hơn, bớt được khâu dịch thuật.

4.4. Một số đề xuất nhằm nâng cao chất lượng của lời bình trong các chương trình truyền hình tiếng Tày - Nùng ở Việt Nam

4.1.1. Đối với các cấp lãnh đạo truyền thông dân tộc thiểu số

Thực tiễn cho thấy, để nâng cao chất lượng, hiệu quả chương trình truyền hình tiếng dân tộc nói chung, THPT-N nói riêng, các cấp lãnh đạo trung ương và tỉnh cần có sự nhận thức rõ và đúng đắn về tầm quan trọng của chương trình, trên cơ sở đó có được những chính sách phù hợp:

- Các cấp lãnh đạo cần ý thức sâu sắc hơn nữa về tầm quan trọng của văn hóa, đặc biệt là việc giữ gìn, bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống của các DTTS trong đó có dân tộc Tày và Nùng. Cần hun đúc trong đồng bào các dân tộc, nhất là trong thế hệ trẻ DTTS một niềm tự hào, cùng những tình cảm quý trọng đối với vốn văn hóa của dân tộc mình.

- Có chế độ đãi ngộ phù hợp với tính chất công việc của người làm chương trình Tiếng dân tộc; quan tâm hơn tới công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ báo chí cho họ.

- Có hình thức giảng dạy, bồi dưỡng tiếng mẹ đẻ cho người DTTS, trong đó có lớp trẻ người Tày, Nùng; người làm công tác truyền thông bằng tiếng Tày- Nùng.

4.2.2. Đối với các Đài phát thanh - truyền hình

Đề từng bước đổi mới, nâng cao chất lượng các chương trình THPT-N trên các đài, cần sự quan tâm đầu tư hơn nữa của lãnh đạo Đài đối với chương

trình và sự nỗ lực của mỗi người thực hiện.

Lãnh đạo các đài cần ưu tiên về biên chế phóng viên, BDV, PTV người Tày, Nùng cho phòng Tiếng dân tộc; quan tâm xây dựng đội ngũ kiểm thính viên, cộng tác viên cho chương trình. Đối với các đài cấp tỉnh, do tính hiệu lực cao của chương trình, trước mắt nên duy trì chương trình THPT-N. Đối với các đài khu vực của kênh VTV5, nên tách chương trình tiếng Tày riêng, tiếng Nùng riêng để hai ngôn ngữ này có thể bảo tồn, phát triển bản sắc của nó.

Những người trực tiếp làm chương trình cần có sự đầu tư hơn cho việc thực hiện chương trình theo các thể loại, hình thức phong phú; tăng cường các hình thức tương tác; tăng cường tính chuẩn mực, tính hấp dẫn của việc sử dụng ngữ âm, từ ngữ, của việc diễn đạt câu và trình bày toàn diện ngôn ngữ để tạo sự sinh động, mới mẻ cho các chương trình.

5. Kết luận

Hình thức lời bình của các chương trình truyền hình tiếng Tày- Nùng hiện nay có ưu điểm cơ bản về tính phù hợp, còn hạn chế về tính chính xác, tính hấp dẫn. Xét về cấp thì nhìn chung, chương trình ở đài địa phương được đánh giá cao hơn chương trình ở đài trung ương. Thực tế chương trình của kênh VTV5 cũng do các đài địa phương cung cấp, lại phần nào được chau chuốt hơn nhưng nó không thể gần gũi dễ hiểu với người đánh giá ở các địa phương như đài tỉnh nên bị đánh giá thấp hơn. Trong nội bộ các đài tỉnh, thì Đài PT-TH tỉnh Lạng Sơn, nhìn chung, được đánh giá cao nhất.

Nguyên nhân dẫn tới hiện tượng trên là bởi sự quan tâm chưa đúng mức của các cấp lãnh đạo với lĩnh vực văn hóa, là chế độ đối với người làm truyền thông dân tộc chưa được ưu tiên thích đáng, là tâm lý tự ti hay thực dụng cùng những hạn chế về ngôn ngữ và trình độ của người làm THPT-N. Khắc phục được các nguyên nhân trên, chắc chắn, hình thức của các chương trình THPT-N sẽ được cải thiện. Đó là một cơ sở quan trọng cho sự phát triển của THPT-N, góp phần vào sự phát triển bền vững vùng đồng bào DTTS của đất nước Việt Nam. Những vấn đề được đề cập ở đây có thể đại diện cho những vấn đề cơ bản đang đặt ra với hình thức lời bình của các chương trình THPT-N bằng ngôn ngữ DTTS ở miền Bắc Việt Nam hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- Anh, H. (2008). *Những kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong truyền thông đại chúng*. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Đôi, T. T. (2016). *Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Giang, Đ. T. H. (2018). *Tiếng Tày Nùng trong truyền thông trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên*. Luận văn thạc sỹ Ngôn ngữ học, Thái Nguyên.
- Hạnh, N. T. (2014). *Lời bình trong tác phẩm truyền hình cho đồng bào dân tộc (Khảo sát chương trình tạp chí VTV5 từ tháng 2/2012 đến tháng 3/2013)*. Khóa luận tốt nghiệp đại học ngành Báo chí học, Hà Nội.
- Hào, V. Q. (2010). *Ngôn ngữ báo chí*. Nxb. Thông tấn.
- Hoành, N. H. (Chủ biên, 2012). *Ngôn ngữ, chữ viết các dân tộc thiểu số ở Việt Nam (Những vấn đề chung)*. Hà Nội: Nxb. Từ điển Bách khoa.
- Hội Ngôn ngữ học Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, & Hội Nhà báo Việt Nam. (2016). *Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt trên các phương tiện thông tin đại chúng*. Hà Nội.
- Phương, Y. (2016). *Chữ Tày cô ở đâu? Văn Nghệ Công an Online*.
- Thu, A. T. T. (2010). *Nâng cao chất lượng chương trình truyền hình tiếng dân tộc của các đài tỉnh miền núi Đông Bắc (Khảo sát các tỉnh Tuyên Quang, Hà Giang, Bắc Cạn 1/2009-6/2009)*. Luận văn thạc sỹ truyền thông đại chúng, Hà Nội.
- Thu, L. T. H. (2015). *Đổi mới tổ chức sản xuất chương trình truyền hình cho đồng bào dân tộc thiểu số trên kênh VTV5 Đài truyền hình Việt Nam*. Luận văn thạc sỹ báo chí học, Hà Nội.
- Viện Dân tộc học. (2014). *Các dân tộc ít người ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.

EXPRESSIONS OF COMMENTS ON THE TAY - NUNG TELEVISION PROGRAMS IN VIETNAM

Nguyen Thi Nhung

Thai Nguyen University of Education
Email: nhungspntn@gmail.com

Received: 7/10/2019
Reviewed: 14/10/2019
Revised: 22/10/2019
Accepted: 9/11/2019
Released: 20/11/2019

DOI:

Abstract

Expression of comment is an important aspect that makes the comment function to help viewers see the messages from the images, understand the intentions of the author, the subject of the television program. The paper presented the survey results of the Tay - Nung television programs of the Radio and Television Stations of Lang Son, Cao Bang and Bac Kan provinces in terms of phonetics, words, sentences that are evaluated by the program recipient and producer. Thereby making recommendations to improve the quality of commentary on the Tay - Nung television programs in Vietnam.

Keywords

Television; Tay - Nung language; Expression of comment.